

Số: 1673/UBND-NC

Gia Lai, ngày 30 tháng 10 năm 2021

Về việc trả lời và chỉ đạo giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri theo Kế hoạch Giám sát số 61/KH-HĐND ngày 19/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh.

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII

Triển khai thực hiện Kế hoạch Giám sát số 61/KH-HĐND ngày 19/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ Hai - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm. UBND tỉnh báo cáo và chỉ đạo giải quyết như sau:

I. CÁC KIẾN NGHỊ TẠI BÁO CÁO SỐ 02/BC-HĐND NGÀY 29/7/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN.

Ngày 06/8/2021, UBND tỉnh có Văn bản số 1101/UBND-NC để trả lời và chỉ đạo giải quyết một số ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ Hai-HĐND tỉnh khóa XII (theo Báo cáo số 02/BC-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh). Nay UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết và chỉ đạo giải quyết đến thời điểm giám sát như sau:

1. *Đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành văn bản thay thế Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh và Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bãi bỏ, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Gia Lai, cho phù hợp với nội dung Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, làm cơ sở để các địa phương triển khai tổ chức việc tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng quy định (cử tri huyện Đức Cơ).*

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021: Ngày 05/8/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND Quy định chi tiết một số điều, khoản, điểm và biện pháp thi hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; theo đó: UBND tỉnh đã quy định cụ thể tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ngành nghề đào tạo đối với công chức làm việc tại các xã; quyết định việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức cấp xã, thời điểm có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2021.

Kết quả giải quyết đến thời điểm hiện nay: Đối với nội dung này UBND tỉnh đã giải quyết dứt điểm, UBND tỉnh giao UBND huyện Đức Cơ báo cáo kết quả trả lời giải quyết của UBND tỉnh về Tổ đại biểu HĐND tỉnh – Đơn vị huyện Đức Cơ và HĐND huyện Đức Cơ để theo dõi, đồng thời thông báo kết quả giải quyết đến cử tri trên địa bàn biết, theo dõi.

2. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm mở rộng đường Tỉnh lộ 667 và tiếp tục đầu tư làm mương thoát nước đoạn qua xã Phú An, huyện Đak Pơ vì hiện nay lưu lượng xe lưu thông nhiều, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021: Đường tỉnh 667 đoạn qua địa bàn xã Phú An, huyện Đak Pơ có chiều dài 9,6Km (Km1+400-Km10+00) được đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng từ năm 2012 với quy mô đường cấp IV miền núi mặt đường bê tông nhựa rộng 5.5m, nền đường rộng 7.5m. Với nguồn vốn bảo trì đường bộ, năm 2019 đã đầu tư sửa chữa mặt đường đoạn Km2-Km4, (dài 2Km); năm 2020 đầu tư sửa chữa, nâng cấp cường mặt đường đoạn Km1+00-Km2+00, Km4+00 - Km9+00 (chiều dài 6Km) và xây dựng rãnh thoát nước dọc bằng mương xây + tấm lát chiều dài 1.300m. Hiện nay việc đi lại, lưu thông trên tuyến được thuận lợi, thông suốt an toàn.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra thực tế thì việc đi lại, lưu thông trên tuyến được vẫn thuận lợi, thông suốt an toàn.

3. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải kiểm tra, đầu tư hệ thống mương thoát nước hai bên đường Tỉnh lộ 664, đoạn từ quán cà phê Hoàng Châu trước UBND xã Ia Krăi đến nhà bà Rơ Mah Lá (hướng đi vào xã Ia O, huyện Ia Grai) có chiều dài khoảng 02 km để khắc phục tình trạng mùa mưa nước chảy từ đồi núi Chư Nghé xuống đường Tỉnh lộ 664, tràn vào nhà dân gây xói lở đất đai, hoa màu của người dân.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021: Đường tỉnh 664 có chiều dài 58,4Km, trong các năm vừa qua (từ 2018 – 2021) bằng nguồn vốn bảo trì đường bộ, Sở Giao thông vận tải đã đầu tư sửa chữa các đoạn mặt đường hư hỏng nặng và những đoạn thường xuyên bị ngập dài 16,5km (Km3 – Km5, Km9 – Km13, Km14 – Km20, Km33 – Km34+500, Km41 – Km43 và đoạn Km51 – Km52) để đảm bảo giao thông thông suốt, êm thuận và an toàn, (trong đó tham BTN tăng cường mặt đường 15,5 Km; xây dựng 5,1Km rãnh xây). Theo kiến nghị của cử tri đoạn tuyến đường tỉnh 664 qua khu vực UBND xã Ia Krăi đến nhà bà Rơ Mah Lá có lý trình từ Km43+500-Km44+200 (Khu vực đồi Chư Nghé) hiện trạng mặt đường BTN rộng 5,5m, nền đường 7,5m; rãnh thoát nước dọc hai bên là rãnh đất.

Sở Giao thông vận tải thường xuyên chỉ đạo đơn vị quản lý bảo trì thường xuyên nạo vét, khơi thông và đào rãnh đất để thoát nước trong mùa mưa bão, đồng thời qua kiểm tra thực tế đoạn tuyến trên hiện vẫn đang khai thác tốt giao thông cơ bản êm thuận, an toàn.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Hiện nay, tuyến ĐT.664 đoạn qua khu vực UBND xã Ia Krăi đến nhà bà Rô Mah Lá có lý trình từ Km43+500-Km44+200 (Khu vực đò Chư Nghé), hàng tháng đơn vị quản lý đường bộ vẫn thường xuyên thực hiện duy tu, vét rãnh trên tuyến đảm bảo giao thông thuận lợi, thông suốt an toàn.

Hiện trạng rãnh thoát nước dọc hai bên đoạn tuyến nêu trên là rãnh đất nên có tiềm ẩn tình trạng nước tràn vào nhà dân gây xói lở đất đai, hoa màu của người dân; Sở Giao thông vận tải đã chỉ đạo đơn vị quản lý đường bộ thường xuyên hàng năm thực hiện duy tu, vét rãnh trên tuyến, nhất là vào thời điểm mùa mưa bão không để xảy ra tình trạng nước tràn vào nhà dân gây xói lở đất đai, hoa màu của người dân.

4. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải có biện pháp khắc phục tình trạng ứ đọng nước trên mặt cầu Yang Trung (cũ), thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro khi mưa lớn xảy ra. Vì trong quá trình thi công, sửa chữa cầu Yang Trung có một số cửa vị trí thoát nước trên cầu cao hơn so với mặt cầu nên gây tắc nghẽn, ứ đọng nước và gây khó khăn, nguy hiểm cho người tham gia giao thông qua đoạn cầu này.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021: Dự án đầu tư xây dựng cầu Yang Trung, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1086/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 và Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tại Quyết định số 896/QĐ-SGTVT ngày 10/12/2019; theo đó cầu Yang Trung (cũ) được tận dụng, đào bỏ lớp phủ mặt cầu bằng đá dăm láng nhựa dày trung bình 5cm, thay bằng lớp bê tông nhựa nóng C19 dày 5cm. Công trình do Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư thi công từ tháng 3/2020. Hiện công trình đang trong thời gian thi công hoàn thiện và sửa chữa mặt cầu Yang Trung (cũ). Với chức năng quản lý ngành, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư sớm thi công hoàn thành, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát: thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh (chủ đầu tư) kiểm tra công trình, cho thấy đơn vị thi công đã triển khai sửa chữa, khắc phục tồn tại của hạng mục thoát nước mặt cầu; tuy nhiên theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải thì việc khắc phục đến thời điểm hiện giám sát là chưa triệt để. Sở Giao thông vận tải sẽ phối hợp với Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh chỉ đạo đơn vị thi công khẩn trương khắc phục triệt để các tồn tại về hạng mục thoát nước nêu trên, dự kiến đi kiểm tra và nghiệm thu trong tháng 11/2021, trước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng trong tháng 12/2021. Đồng thời giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thường xuyên phối hợp chặt chẽ với địa phương để đảm bảo thực hiện việc giám sát của địa phương và nhân dân khi thi công và nghiệm thu công trình.

5. Trên tuyến đường từ Trung tâm xã Yang Nam đi làng Hngã (tuyến đường dọc theo Sông Ba) do ảnh hưởng nước từ Sông Ba và các lưu vực ở thượng lưu chảy về, có một số ngàm tràn qua các suối vào mùa mưa lũ nước ngập, chảy xiết,

thường xuyên bị chia cắt cục bộ, gây khó khăn cho việc đi lại của Nhân dân. Đề nghị UBND tỉnh xem xét các nguồn vốn đầu tư từ Trung ương hoặc địa phương quan tâm đầu tư 03 cầu dân sinh để phục vụ cho nhu cầu đi lại và đảm bảo an toàn cho người dân khi qua khu vực này trong mùa mưa bão.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021: Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã tổng hợp các dự án hết sức cần thiết phải đầu tư và HĐND tỉnh đã cho ý kiến lần 2, sẽ giao kế hoạch và kỳ họp thứ II, khóa XII của HĐND tỉnh. Theo đó, huyện Kông Chro được đầu tư các dự án: Đường quy hoạch giao thông Đ2; Đ3 kết hợp kênh mương thoát nước, huyện Kông Chro (năm 2021-2022); Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro (năm 2024-2026); Đường từ xã Yang Nam đi xã Chợ Long, huyện Kông Chro (năm 2023-2025)... Đồng thời tỉnh phân bổ có mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho huyện 129,803 tỷ đồng để đầu tư cho các công trình.

Ngoài ra xã Yang Nam, huyện Kông Chro thuộc xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Triển khai Văn bản số 1016/UBND-KHTC ngày 23/7/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và dự kiến 3 năm 2022-2024. Ban dân tộc tỉnh - Cơ quan thường trực Chương trình đã có văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch trên.

Đối với kiến nghị “xây dựng cầu treo dân sinh để phục vụ cho nhu cầu đi lại và đảm bảo an toàn cho người dân khi qua khu vực này trong mùa mưa bão”, UBND tỉnh giao UBND huyện Kông Chro có trách nhiệm rà soát các dự án trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa để sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, trường hợp xét thấy cần thiết, cấp bách thì bố trí kinh phí từ nguồn phân cấp cho huyện. Đồng thời, yêu cầu UBND huyện Kông Chro khẩn trương đề xuất danh mục đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và gửi về Ban dân tộc tỉnh tổng hợp đưa vào kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 để trình các cơ quan chức năng xem xét trình cấp thẩm quyền quyết định.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Đối với nội dung giải quyết kiến nghị này, UBND tỉnh đã giao UBND huyện Kông Chro chủ động cân đối nguồn vốn theo tiêu chí tinh phân cấp cho huyện là 129,803 tỷ đồng để đầu tư công trình (nếu thấy cần thiết, cấp bách). Đồng thời, ngày 27/10/2021 Tổ đại biểu HĐND tỉnh – Đơn vị huyện Kông Chro đã ban hành Kế hoạch giám sát số 12/KH-TĐB để giám sát việc thực hiện của UBND huyện Kông Chro đối với nội dung kiến nghị này, UBND huyện Kông Chro có Văn bản số 2952/UBND-KTTH ngày 27/10/2021 giao các cơ quan chuyên môn của huyện triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát của Tổ đại biểu HĐND tỉnh – Đơn vị huyện Kông Chro.

Để UBND huyện Kông Chro tổ chức triển khai thực hiện công tác giải quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-

NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất việc Thường trực HĐND tỉnh chuyển nội dung kiến nghị này về cho HĐND huyện Kông Chro kiểm tra, theo dõi, giám sát việc triển khai, thực hiện của UBND huyện Kông Chro.

6. Hiện nay đường Đông Trường Sơn đi qua xã Đông, huyện Kbang, đoạn nhà ông Vi Văn Kỳ (thôn 6) không có cống rãnh thoát nước. Khi mưa lớn, nước chảy làm hư đoạn đường dân sinh và tràn vào nhà dân. Năm 2018, UBND xã Đông, huyện Kbang đã đề nghị lắp đặt cống thoát nước tại vị trí này, Chi cục quản lý đường bộ III.4 đã cử cán bộ xuống khảo sát, nhưng từ đó đến nay vẫn chưa thi công. Do đó, đề nghị UBND tỉnh có ý kiến với Chi cục quản lý đường bộ III.4 - đơn vị quản lý tuyến đường Đông Trường Sơn sớm thi công khắc phục đoạn đường trên.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

Tuyến đường Trường Sơn Đông đoạn qua xã Đông, huyện Kbang do Cục Quản lý đường bộ III quản lý. Về nội dung kiến nghị của cử tri liên quan đến đoạn Đường Trường Sơn Đông (có vị trí lý trình Km301+800-Km302+100) đoạn qua huyện Kbang đã được Chi cục Quản lý đường bộ III.4 - Cục quản lý đường bộ III kiểm tra và có Văn bản số 410/CCQLĐBIII.4 ngày 06/11/2019 về việc trả lời kiến nghị của cử tri huyện Kbang, theo đó:

- Về kiến nghị của xã Đông – huyện Kbang: Hiện trạng đoạn từ Km 301+800 đến Km 302+100 đường Trường Sơn Đông có độ dốc dọc đường 6%, địa hình hai bên đường thấp hơn nền mặt đường, nên trong thiết kế đường TSD không có rãnh dọc thoát nước mặt đường. Việc thoát nước được thoát tự nhiên, chảy dọc nền đường xuống khe suối có bố trí cống thoát nước ở cuối dốc tại Km302+100.

- Về kiến nghị của xã Sơn Lang – huyện Kbang: Đường Trường Sơn Đông đi qua trung tâm xã Sơn Lang đoạn Km264-Km265 và làng Đăk Asêl Km259+800- Km260+200 có dân cư rất thưa, đồng thời hệ thống an toàn giao thông như cọc tiêu, biển báo, vạch sơn tim đường đã đầy đủ, không nhất thiết phải trồng cấm biển báo “Khu vực đông dân cư”.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Kiến nghị nêu trên của cử tri huyện Kbang đã được Chi cục Quản lý đường bộ III.4 - Cục quản lý đường bộ III kiểm tra và có Văn bản số 410/CCQLĐBIII.4 ngày 06/11/2019 trả lời kiến nghị của cử tri huyện Kbang. Do đây là đoạn tuyến thuộc thẩm quyền quản lý của Cục quản lý đường bộ III, UBND tỉnh giao Sở Giao thông vận tải kiểm tra, khảo sát thực tế đoạn tuyến này để có văn bản kiến nghị với Cục quản lý đường bộ III xem xét, xử lý đảm bảo an toàn, ổn định đời sống, sản xuất của người dân tại khu vực này.

7. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ thi công công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 666. Đồng thời, để thuận lợi cho người dân đi vào khu sản xuất, đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí, phân bổ kinh phí xây dựng cầu treo dân sinh cho người dân làng Pyầu, xã Lor Pang, huyện Mang Yang.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

- Về nâng cấp sửa chữa, nâng cấp tỉnh lộ 666: Dự án đường tỉnh 666 đoạn qua

địa phận huyện Mang Yang dài 46,5Km (Km0 - Km46+500) đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đồng thời đoạn từ Km0 - Km33, thuộc đường tỉnh 666 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 427/NQ-HĐND ngày 17/6/2021, hiện đang triển khai các bước tiếp theo để đầu tư dự án.

- Về phân bổ kinh phí xây dựng cầu treo dân sinh cho người dân làng Pyầu, xã Lơ Pang, huyện Mang Yang: vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã tổng hợp các dự án trọng tâm, trọng điểm có tính kết nối và lan tỏa; hết sức cần thiết phải đầu tư và HĐND tỉnh đã cho ý kiến lần 2, sẽ giao kế hoạch vào kỳ họp thứ II, khóa XII của HĐND tỉnh. Theo đó, huyện Mang Yang được đầu tư các dự án: Đường vào làng Đê Kôn, xã H'ra, huyện Mang Yang (năm 2021-2022); Đường nội thị 2 huyện Mang Yang (năm 2024-2026); Đường liên xã huyện Mang Yang (năm 2023-2025)... Đồng thời tỉnh phân bổ có mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho huyện 137,016 tỷ đồng để đầu tư cho các công trình.

Ngoài ra xã Lơ Pang, huyện Mang Yang thuộc xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Triển khai Văn bản số 1016/UBND-KHTC ngày 23/7/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và dự kiến 3 năm 2022-2024. Ban dân tộc tỉnh - Cơ quan thường trực Chương trình đã có văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch trên.

Đối với kiến nghị “xây dựng cầu treo dân sinh cho người dân làng Pyầu, xã Lơ Pang, huyện Mang Yang”, UBND tỉnh giao UBND huyện Mang Yang có trách nhiệm rà soát các dự án trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa để sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, trường hợp xét thấy cần thiết, cấp bách thì bố trí kinh phí từ nguồn phân cấp cho huyện. Đồng thời, yêu cầu UBND huyện Mang Yang khẩn trương đề xuất danh mục đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và gửi về Ban dân tộc tỉnh tổng hợp đưa vào kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 để trình các cơ quan chức năng xem xét trình cấp thẩm quyền quyết định.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

- Đối với dự án sửa chữa, nâng cấp Đường tỉnh 666 đoạn qua địa phận huyện Mang Yang có chiều dài 46,5Km (*lý trình Km0 – Km46+500*), đến nay đã thi công hoàn thành, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư) đang thực hiện các thủ tục để bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Đồng thời đoạn từ Km0 – Km33, Đ.T.666 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị Quyết 427/NQ-HĐND ngày 17/6/2021, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư) đang triển khai các bước tiếp theo để đầu tư dự án.

- Về nội dung kiến nghị phân bổ kinh phí xây dựng cầu treo dân sinh cho người dân làng Pyầu, xã Lơ Pang, huyện Mang Yang: UBND tỉnh đã giao UBND huyện Mang Yang chủ động cân đối nguồn vốn theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện là 137,016 tỷ đồng để đầu tư công trình (nếu thấy cần thiết, cấp bách).

Để UBND huyện Mang Yang tổ chức triển khai thực hiện công tác giải

quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất việc Thường trực HĐND tỉnh chuyển nội dung kiến nghị này về cho HĐND huyện Mang Yang kiểm tra, theo dõi, giám sát việc triển khai, thực hiện của UBND huyện Mang Yang.

8. Hiện nay các đập chứa nước tại xã Đăk Trôi, xã Ayun và xã Đak Jơ Ta, huyện Mang Yang đã xuống cấp, hệ thống mương thủy lợi bị hư hỏng. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng có kế hoạch khảo sát, lập dự toán, đề nghị Trung ương bố trí kinh phí đầu tư 02 đập dâng tích nước và hệ thống kênh mương tưới tiêu cho 90 ha cánh đồng xã Ayun, 113 ha cánh đồng xã Đak Jơ Ta, 150 ha cánh đồng xã Đăk Trôi, giúp người dân có điều kiện làm 01 vụ lúa, 02 vụ hoa màu, nhằm nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã tổng hợp các dự án hết sức cần thiết phải đầu tư và HĐND tỉnh đã cho ý kiến lần 2, sẽ giao kế hoạch và kỳ họp thứ II, khóa XII của HĐND tỉnh. Theo đó, huyện Mang Yang được đầu tư các dự án: Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Hà Ra Nam, Hà Ra Bắc, huyện Mang Yang (năm 2022). Đồng thời tỉnh phân bổ có mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho huyện 137,016 tỷ đồng để đầu tư cho các công trình. Đối với kiến nghị này, UBND tỉnh giao UBND huyện Mang Yang có trách nhiệm rà soát các dự án trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa để sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, trường hợp xét thấy cần thiết, cấp bách thì bố trí kinh phí từ nguồn phân cấp cho huyện.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Đề UBND Mang Yang tổ chức triển khai thực hiện công tác giải quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất việc Thường trực HĐND tỉnh chuyển nội dung kiến nghị này về cho HĐND huyện Mang Yang kiểm tra, theo dõi, giám sát việc triển khai, thực hiện của UBND huyện Mang Yang.

9. Hiện nay, một số địa phương được công nhận làng, xã nông thôn mới, người dân không còn được thụ hưởng các chính sách ưu tiên như: Bảo hiểm y tế, vay vốn ưu đãi tại ngân hàng chính sách - xã hội, chế độ miễn, giảm học phí cho học sinh... Nhưng chất lượng cuộc sống thực tại còn gặp rất nhiều khó khăn, nhất là mức thu nhập còn quá thấp so với mặt bằng chung, do đó, đề nghị UBND tỉnh quan tâm có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho những hộ gia đình nghèo, cận nghèo, nhất là những hộ đồng bào DTTS vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói chung và huyện Mang Yang nói riêng có điều kiện tiếp cận các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đến nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã có 87 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 90 làng đạt chuẩn NTM (riêng huyện Mang Yang có 04 xã đạt chuẩn NTM và 05 làng đạt chuẩn nông thôn mới); mức thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn xã đạt chuẩn nông thôn

mới đạt từ 38 – 41 triệu đồng/người/năm (tùy khu vực), cao hơn rất nhiều so với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Chính phủ.

Theo quy định hiện nay, các hộ gia đình nghèo, cận nghèo ở các xã, thôn đạt chuẩn NTM vẫn được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách (như: Bảo hiểm y tế, vay vốn ưu đãi tại ngân hàng chính sách - xã hội, chế độ miễn, giảm học phí cho học sinh,...) dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.

Trên địa bàn huyện Mang Yang đến nay có 04 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*Đăk Yă, Đăk Djrăng, Ayun, Đăk Ta Ley*), trên địa bàn 04 xã này có tổng số 05 thôn, làng đặc biệt khó khăn (*làng Ch'rong I, làng Đăk Dwe thuộc xã Đăk Ta Ley; làng Plei Atur, làng Hier thuộc xã Ayun; làng Đê Tur thuộc xã Đăk Djrăng*) theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Người đồng bào DTTS ở các thôn, làng đặc biệt khó khăn vẫn được thụ hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước như: Bảo hiểm y tế, vay vốn ưu đãi tại ngân hàng chính sách - xã hội, chế độ miễn, giảm học phí cho học sinh...

UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố nói chung và UBND huyện Mang Yang nói riêng thực hiện việc tuyên truyền cho Nhân dân hiểu rõ các chế độ chính sách của Nhà nước; đồng thời triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước dành cho người dân, nhất là đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát: Đề giải quyết dứt điểm đối với kiến nghị nêu trên; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện công tác giải quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao nêu trên; báo cáo kết quả trả lời giải quyết về Tổ đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị các huyện, thị xã, thành phố) và HĐND các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi, giám sát, đồng thời thông báo kết quả giải quyết đến cử tri trên địa bàn biết, theo dõi việc thực hiện.

10. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng kiểm tra, có biện pháp xử lý việc xả thải tại Khu công nghiệp Trà Đa vì làm ảnh hưởng đến môi trường và đời sống sinh hoạt của người dân.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

Triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về giải quyết kiến nghị cử tri, ngày 02/8/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiến hành kiểm tra tại Khu công nghiệp Trà Đa (KCN). Kết quả cụ thể như sau: (1). KCN Trà Đa đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định. (2). Trong quá trình hoạt động, Công ty Phát triển hạ tầng Khu kinh tế đã thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy định và Chi cục Bảo vệ môi trường thường xuyên lấy mẫu đột xuất nước thải sau xử lý của KCN, kết quả cho thấy các chỉ phân tích đều đạt Quy chuẩn cho phép. (3). Qua làm việc, Chủ tịch UBND xã Trà Đa cho biết thời gian gần đây (năm 2021), địa

phương không nhận được các ý kiến, kiến nghị của người dân về tình trạng xả nước thải gây ô nhiễm môi trường của KCN. (4). Đến thời điểm kiểm tra, trạm xử lý nước thải tập trung của KCN đang hoạt động bình thường, tại vị trí xả thải vào suối Trà Đa nước trong, không có hiện tượng xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường làm ảnh hưởng đến môi trường và đời sống sinh hoạt của người dân.

Đối với kiến nghị này, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh chỉ đạo Công ty Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tổ chức thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thường xuyên, định kỳ tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong KCN, ngăn chặn hành vi xả thải nước thải trực tiếp chưa qua xử lý ra hệ thống nước mưa, môi trường xung quanh, nếu phát hiện vi phạm thì phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Để giải quyết dứt điểm đối với kiến nghị nêu trên; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện công tác giải quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thành phố Pleiku tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao nêu trên; báo cáo kết quả trả lời giải quyết về Tổ đại biểu HĐND tỉnh – Đơn vị thành phố Pleiku và HĐND thành phố Pleiku để theo dõi, giám sát, đồng thời thông báo kết quả giải quyết đến cử tri trên địa bàn biết, theo dõi việc thực hiện.

11. Đề nghị UBND tỉnh xem xét về phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước Biển Hồ B do Xí nghiệp khảo sát thiết kế Chi nhánh Tổng công ty 15 lập là chưa hợp lý vì phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập hồ chứa nước Biển Hồ B (mốc CTTL-10 đến CTTL-46 - mốc lòng hồ) nằm sâu trong phần đất của Nhân dân đã canh tác, sử dụng ổn định từ trước giải phóng đến nay, nhiều hộ dân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng các công trình kiến trúc, nhà ở, vườn cây, hoa màu...Nên phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước Biển Hồ B làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân trên địa bàn xã. Đồng thời, phương án cấm mốc chưa xây dựng phương án đền bù nên chưa tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

Công trình thủy lợi Biển Hồ B do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý. Trên cơ sở Văn bản của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và các quy định tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, Điều 157 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, Chi cục Thủy lợi tổng hợp như sau:

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước: “*Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước bao gồm công trình và vùng phụ cận*”. Tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định 114/2018/NĐ-CP quy định: *Vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ*”. Vì vậy, đơn vị tư vấn lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo

vệ đập, hồ chứa nước Biển Hồ B bố trí mốc chỉ giới lòng hồ trên đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập (+748,30m) là tuân thủ quy định của pháp luật.

- Về việc xây dựng phương án bồi thường:

Tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội quy định: “Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình. Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật”. Cho đến nay, việc canh tác, sử dụng đất nằm trong phạm vi bảo vệ công trình của nhân dân chưa ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình. Vì vậy, Công ty không xây dựng phương án đền bù mà người dân được hưởng các quyền lợi, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai và các quy định khác có liên quan.

Đối với kiến nghị này, UBND tỉnh giao UBND thành phố Pleiku tuyên truyền cho Nhân dân đang sinh sống, canh tác tại khu vực hồ chứa nước Biển Hồ B nói riêng và các địa điểm tương tự khác hiểu rõ các quy định của pháp luật và thực hiện việc bảo vệ an toàn công trình hồ đập theo quy định.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Để giải quyết dứt điểm đối với kiến nghị nêu trên; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện công tác giải quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao nêu trên; báo cáo kết quả trả lời giải quyết về Tổ đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị các huyện, thị xã, thành phố) và HĐND các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi, giám sát, đồng thời thông báo kết quả giải quyết đến cử tri trên địa bàn biết, theo dõi việc thực hiện.

Đồng thời, tại khu vực hồ chứa nước Biển Hồ B, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai cùng với địa phương đang thực hiện việc rà soát, đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước Biển Hồ B. Từ đó, xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước theo khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai nêu trên và trình UBND tỉnh phê duyệt. Do vậy, UBND tỉnh yêu cầu UBND thành phố Pleiku, UBND huyện Chư Păh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tốt với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai trong việc rà soát, đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước Biển Hồ B.

12. UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hoàn chỉnh nội dung hồ sơ, đề xuất UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên Trạm Y tế phường Hoa Lư, nhằm đạt chuẩn Quốc gia. Tuy nhiên đã nhiều năm nhưng Trạm Y tế phường vẫn chưa được mở rộng, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Do đó, đề nghị UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Nội dung trả lời tại Văn bản số 1101/UBND-NC ngày 06/8/2021:

Theo báo cáo, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2071/TT-STNMT ngày 31/5/2021 về việc giao đất cho Trạm Y tế phường Hoa Lư mở rộng khuôn viên phục vụ công tác khám chữa bệnh; Công văn số 2674/STNMT-QHĐĐ ngày 02/7/2021 về xử lý hồ sơ giao đất cho Trạm Y tế phường Hoa Lư, thành phố Pleiku: Khu vực xin giao đất thuộc quy hoạch đất ở và đất giao thông, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Pleiku rà soát và điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp trước khi giao đất.

- Đối với kiến nghị này, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Pleiku và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các điều kiện giao đất; hoàn thiện thành phần, nội dung hồ sơ đề xuất UBND tỉnh để giao đất theo đúng quy định (theo Công văn số 2953/VP-CNXD ngày 12/7/2021 của Văn phòng UBND tỉnh).

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị các đơn vị hoàn thiện các nội dung sau: UBND thành phố Pleiku lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng tại khu vực này trình cấp thẩm quyền phê duyệt; Trạm Y tế phường Hoa Lư hoàn thiện hồ sơ giao đất theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi hoàn thiện các nội dung trên, Trạm Y tế phường Hoa Lư (Đơn vị xin giao đất) hoàn thiện hồ sơ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Đến nay, UBND thành phố Pleiku đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với sở, ngành triển khai thực hiện cập nhật vị trí đề nghị giao đất cho Trạm Y tế phường Hoa Lư phù hợp với Quy hoạch xây dựng của thành phố Pleiku. Ngày 01/11/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 4574/STNMT-QHĐĐ hướng dẫn UBND thành phố Pleiku hoàn thiện hồ sơ xin giao đất để mở rộng khuôn viên Trạm Y tế phường Hoa Lư.

Trong thời gian đến, sau khi Quy hoạch xây dựng của thành phố Pleiku được cấp thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp với UBND thành phố hướng dẫn đơn vị hoàn thiện hồ sơ giao đất trình UBND tỉnh theo đúng quy định.

II. CÁC KIẾN NGHỊ TẠI BÁO CÁO SỐ 09/BC-HĐND NGÀY 21/9/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN.

1. Đề nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh hạn mức tách thửa được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh Gia Lai. Cụ thể đề nghị điều chỉnh “Trường hợp thửa đất tại xã là 5m” thành “Trường hợp thửa đất tại xã là 4m”.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 795/VP-NC ngày 03/3/2021 về việc giao giải quyết và trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ Mười sáu - HĐND tỉnh Khóa XI Gia Lai (Báo cáo số 189/BC-HĐND

ngày 01/3/2021 của Thường trực HĐND; ngày 12/3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 870/STNMT-ĐKTK đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố: Trên cơ sở thực tiễn triển khai thực hiện Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND và các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản lý nhà nước, UBND các huyện, thị xã và thành phố Pleiku có ý kiến đối với nội dung thứ 4 tại Báo cáo số 189/BC-HĐND ngày 01/3/2021 của Thường trực HĐND tỉnh (bằng văn bản) để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã soạn thảo Dự thảo Quyết định về việc quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất đất theo từng loại đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai thay thế Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về quy định diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ngày 08/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 2215/STNMT-ĐKTK lấy ý kiến Dự thảo Quyết định về việc quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa đất theo từng loại đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ngày 13/7/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục có văn bản số 2820/STNMTĐKTK tổ chức lấy ý kiến (lần 2).

Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành quyết định trong tháng 12/2021.

2. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với nội dung chỉ tiêu 17.1 "Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch thường xuyên, an toàn từ hệ thống cấp nước tập trung thuộc tiêu chí số 17. Môi trường và an toàn thực phẩm quy định đạt 100%" vì chỉ tiêu này rất khó thực hiện tại các xã.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Vấn đề này, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT - Cơ quan Thường trực Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới tỉnh xem xét, đề xuất UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018- 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Sau khi có ý kiến của Sở Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và PTNT lần 2, trước mắt, Ủy ban nhân dân tỉnh tạm thời chưa điều chỉnh Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan trên cơ sở các văn bản của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh để kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

3. Việc thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đã ảnh hưởng đến việc duy trì sĩ số học sinh các cấp học và việc hỗ trợ mua Bảo hiểm y tế cho người dân. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét:

- Có cơ chế hỗ trợ kinh phí bữa ăn trưa cho trẻ mầm non, các chế độ cho học sinh bán trú, hỗ trợ sách giáo khoa, miễn giảm học phí cho học sinh,... do thay đổi vùng theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm đảm bảo công tác duy trì sĩ số học sinh trong thời gian đầu thực hiện Quyết định.

- Bố trí kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ mua Bảo hiểm y tế bị ảnh hưởng do thay đổi vùng theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

- Về cơ chế hỗ trợ kinh phí các chế độ cho học sinh,... do thay đổi vùng theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ:

UBND tỉnh nhận thấy những tác động lớn khi thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên đã chủ động chỉ đạo triển khai một số nội dung sau: (1). UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát tháo gỡ các khó khăn: sách. Gạo. hỗ trợ ăn trưa... (2). Đã có Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 03/8/2021 gửi Ủy ban dân tộc đề nghị Chính phủ tiếp tục được sử dụng kinh phí của Trung ương đã cấp năm 2021 để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên bị ảnh hưởng Quyết định 861; đề nghị tiếp tục có thời gian chuyển tiếp. (3). UBND tỉnh đã có Báo cáo các tác động của Quyết định số 861/QĐ-TTg cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy để bổ sung 12 tỉ cấp bù chi trả BHYT, cấp gạo cho 2.801 học sinh đến hết năm 2021. Đồng thời xin sử dụng nguồn ngân sách của trung ương để tiếp tục hỗ trợ cho học sinh bị ảnh hưởng Quyết định số 861/QĐ-TTg được hưởng các chính sách đến hết năm 2021. Nếu trường hợp Chính phủ không đồng ý thì Tỉnh sử dụng Quỹ dự trữ tài chính chuyển trả cho ngân sách trung ương. UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố phải có trách nhiệm trong vấn đề này, nhất là huyện Kbang.

- Về bố trí kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ mua Bảo hiểm y tế bị ảnh hưởng do thay đổi vùng theo Quyết định số 861/QĐ-TTg:

Theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021-2025 toàn tỉnh có 96 xã thoát khỏi xã khu vực III, xã khu vực II (Trong đó, xã khu vực III giảm 18 xã, xã khu vực II giảm 78 xã) so với giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017. Theo đó, có khoảng 271.554 người đồng bào DTTS sống vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT do thoát khỏi xã khu vực III và xã khu vực II. Trong đó:

+ Số người chuyển đổi đối tượng tham gia BHYT từ đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số sống vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn sang người nghèo, người cận nghèo khoảng 92.493 người (gồm: Số người DTTS sống ở xã vùng III chuyển thành vùng II là 20.466 người, số người DTTS sống ở xã vùng II chuyển thành vùng I nhưng vẫn hưởng chính sách do thuộc hộ nghèo là 20.336 người, thuộc hộ cận nghèo là 51.691 người).

+ Còn lại khoảng 179.061 người đồng bào DTTS sống vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn không còn thụ hưởng chính sách BHYT theo quy định của Luật BHYT và Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc dừng thẻ BHYT từ ngày 04/6/2021 gặp nhiều khó khăn, do từ ngày 01/6/2021 đến ngày 08/6/2021 (ngày BHXH tỉnh Gia Lai nhận Quyết định số 61/QĐTTg) người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vẫn sử dụng thẻ BHYT để đi khám, chữa bệnh. Nếu giảm thẻ BHYT từ ngày 04/6/2021, người dân sẽ không kịp mua thẻ BHYT, ảnh hưởng đến việc khám chữa bệnh BHYT, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến những người đang nằm điều trị dài ngày tại cơ sở khám chữa bệnh, ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội.

- Căn cứ Công văn số 4957/BTC-NSNN ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính gửi Ủy ban Dân tộc, theo đó Bộ Tài chính có ý kiến như sau: “*dự toán ngân sách nam 2021 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện (có chế độ, chính sách chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo ngân sách như mua thẻ BHYT). Đề nghị Ủy ban Dân tộc báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các xã, thôn ĐBKK ra khỏi danh sách giai đoạn 2021-2025 thì được tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi, đối tượng thụ hưởng hiện hành đến 31/12/2021, từ năm 2022 trở đi, thực hiện theo phạm vi, đối tượng mới*”.

- Theo đó UBND tỉnh đã báo cáo đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định việc đối với các xã, thôn ĐBKK ra khỏi danh sách giai đoạn 2021-2025 thì được tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi, đối tượng thụ hưởng hiện hành đến 31/12/2021, từ năm 2022 trở đi, thực hiện theo phạm vi, đối tượng mới như ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 4957/BTC-NSNN ngày 17/5/2021.

4. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí đầu tư cầu bê tông xi măng qua khu sản xuất Tây Sông Ba thuộc xã Đông, huyện Kbang (thay thế cầu treo đầu tư từ năm 2001 đến nay đã hư hỏng, xuống cấp), để phục vụ đi lại và vận chuyển hàng hóa cho hơn 2.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của Nhân dân và trên 200 hộ đồng bào Bahnar của 02 làng thuộc thôn 6 xã Đông, huyện Kbang.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Về vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh giao kế hoạch tại Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 11/8/2021, Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 21/9/2021; theo đó, huyện Kbang được đầu tư các dự án: Đường liên xã huyện Kbang (năm 2024-2026); Đường Hai Bà Trưng thị trấn Kbang (năm 2021-2022); Đường giao thông quy hoạch Tây Sông Ba, Kbang (năm 2025-2026)... Đồng thời vốn trong cân đối theo tiêu chí tinh phân cấp cho huyện là

136,636 tỷ đồng để đầu tư cho các công trình; UBND huyện có trách nhiệm rà soát các dự án trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa để sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư. Nếu thấy cần thiết, bố trí từ nguồn phân cấp cho huyện.

Đề UBND Kbang tổ chức triển khai thực hiện công tác giải quyết kiến nghị cử tri đảm bảo theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Văn bản số 1374/UBND-NC ngày 21/9/2021, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất việc Thường trực HĐND tỉnh chuyển nội dung kiến nghị này về cho HĐND huyện Kbang kiểm tra, theo dõi, giám sát việc triển khai, thực hiện của UBND huyện Kbang.

5. Đề nghị UBND tỉnh sớm giải quyết kinh phí Dự án IFAD còn nợ của các công trình huyện Kbang với số tiền 917.970.000 đồng để thanh toán cho các tổ nhóm thợ thuộc 05 xã (Đông, Nghĩa An, Tơ Tung, Kông Bờ La và Kông Long Khong) trên địa bàn huyện.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Dự án hỗ trợ Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn tỉnh Gia Lai thực hiện theo Hiệp định vay vốn số L-I-826-VN giữa Việt Nam và Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế IFAD, thời gian thực hiện từ ngày 25/2/2011 đến 31/3/2017.

Đến nay dự án đã hoàn thành các hạng mục theo Hiệp định tài trợ và đã kết thúc dự án. Tuy nhiên do một số vướng mắc nên dự án không rút được khoản kinh phí 4,7 tỷ đồng từ nhà tài trợ để thanh toán cho các công trình đã thực hiện. Lý do không rút được vốn năm 2017 để trả nợ cho các nhà thầu là do không có sự thống nhất cơ chế quản lý vốn ODA giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý theo vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nên Bộ Kế hoạch và Đầu tư không thể điều chỉnh kế hoạch vốn vượt vốn đầu tư công đã bố trí đủ cho dự án giai đoạn 2016-2020. Bộ Tài chính quản lý theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2017 của Bộ Tài chính tức là phải bố trí đủ kế hoạch thì Bộ Tài chính mới đồng ý cho tiếp tục rút vốn.

UBND tỉnh đã đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến xử lý nguồn vốn ODA của dự án này. Tuy nhiên, Bộ, ngành trung ương đề nghị UBND tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của dự án.

Đối với kiến nghị nêu trên, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban điều phối dự án IFAD phối hợp với UBND huyện Kbang rà soát, đề xuất nguồn vốn thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án.

6. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh điều chỉnh nội dung của Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Vì hầu hết các phường trên địa bàn thị xã tuy là đô thị nhưng người dân chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp (riêng phường Hòa Bình có hơn 60% dân số sống bằng nghề nông nghiệp), mặt khác đa số các hộ dân có diện tích đất nông nghiệp (đất vườn) liền kề ở tương đối lớn nên đề nghị quan tâm tạo điều kiện để các hộ dân chăn nuôi vừa và nhỏ để phát triển kinh tế hộ gia đình (Cử tri thị xã Ayun Pa).

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

- Căn cứ Luật Chăn nuôi 2018; Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Hội đồng Nhân dân tỉnh khoá XI, kỳ họp thứ mười ba đã ban hành Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 "*Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu vực dân cư không được phép nuôi chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai*". Theo đó Vùng nuôi chim yến gồm: Vùng nằm ngoài khu dân cư (thôn, buôn, làng và tương đương đã được quy hoạch); (2) Vùng ngoài khu vực không được phép chăn nuôi: tổ dân phố thuộc phường và khu quy hoạch trung tâm hành chính xã được UBND cấp huyện phê duyệt.

Việc quy định khu Vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh như Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 là phù hợp quy định hiện hành; đáp ứng tính cấp thiết, phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội, đặc điểm của nghề nuôi chim yến và định hướng phát triển chăn nuôi của tỉnh; việc đề nghị sửa đổi là không phù hợp, vì những lý do sau:

- Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 được ban hành phù hợp với Quy định: Điểm b, Khoản 1, Điều 80 của Luật Chăn nuôi; Khoản 1, 2 Điều 25 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ.

- Nghị quyết được ban hành theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; trong đó, đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, hiệp hội và UBND các huyện, thị xã, thành phố để tiếp thu hoàn chỉnh.

- Nội dung quy định về Vùng nuôi chim yến như Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND đáp ứng tính cấp thiết, phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của tỉnh; đặc điểm của nghề nuôi chim yến và định hướng phát triển chăn nuôi của tỉnh:

+ Việc nuôi chim yến đã giúp nhiều hộ có thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, do hình thành một cách tự phát, trong đó có rất nhiều cơ sở nuôi chim yến xây dựng xen kẽ trong khu dân cư; hoạt động nuôi chim yến hiện nay là dẫn dụ, mọi tập tính hoạt động mang tính tự nhiên gây ô nhiễm môi trường; phát sinh tiếng ồn làm ảnh hưởng lớn đến đời sống công đồng và nguy cơ lây truyền dịch bệnh cho người ở các khu dân cư.

+ Việc xây dựng nhà yến yêu cầu nguồn vốn đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài; việc cho phép xây dựng nhà yến tại các khu vực đô thị như đề xuất của cử tri huyện Ayun Pa gây ảnh hưởng đến quy hoạch đô thị; có thể làm phát sinh các vấn đề phức tạp về quản lý nhà nước và gây thiệt hại cho người chăn nuôi yến về lâu dài.

7. Theo quy định chính sách hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ thì tổng mức hỗ trợ trồng rừng là: 7.300.000 đồng/01ha/03năm (Chia làm 03 giai đoạn hỗ trợ). Tuy nhiên, hiện tại việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho năm đầu trồng rừng là khoảng từ 2.200.000 đồng đến 2.500.000 đồng. Trong khi chi phí cho năm đầu trồng rừng là tương đối nhiều (như chi phí mua giống, làm đất, nhân công, ... dẫn đến khó khăn cho việc vận động người dân tham gia trồng rừng, nhất là các hộ dân là đồng bào dân tộc thiểu số không có khả năng đối ứng kinh phí để mua giống cây trồng (mức kinh phí đối ứng cao khoảng

4.000.000 đồng/ha). Do đó, đề nghị UBND tỉnh quan tâm, xem xét và nâng mức hỗ trợ kinh phí cho năm đầu trồng rừng lên 4.000.000 đồng/ha nhằm đảm bảo thuận lợi cho việc triển khai trồng rừng của các hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số.

Do nguồn ngân sách tỉnh có hạn và hàng năm được bổ sung từ Ngân sách Trung ương. Giai đoạn 2021- 2025, chỉ tiêu trồng rừng 40.000 ha, mỗi năm trồng khoảng 8.000 ha nên cần nguồn kinh phí rất lớn. Để đạt được mục tiêu này cần vận dụng linh hoạt nhiều nguồn vốn như: Ngân sách Nhà nước, vốn xã hội hóa... Đối với nguồn vốn trung ương; đến nay, Chính phủ và các Bộ, ngành không cân đối nguồn vốn này mặc dù tỉnh đã đề nghị, khi nào Trung ương bổ sung tỉnh sẽ thực hiện. Nhằm phục vụ công tác trồng rừng giai đoạn 2021- 2025, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự án các Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng và đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 về việc phê duyệt dự án Các dự án bảo vệ và phát triển rừng và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về Sửa đổi điểm c, Điều 2 và các phụ lục 1, 2, 5 của Quyết định số 496/QĐ-UBND, theo đó việc trồng rừng sản xuất thuộc dự án sẽ được hỗ trợ để mua cây giống, trồng và chăm sóc với mức hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha, trong đó: hỗ trợ năm đầu 2.250.000 đồng/ha; hỗ trợ năm thứ 2 là 250.000 đồng/ha.

Do vậy, UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền cho người dân về mức hỗ trợ trên, để người dân biết, chia sẻ vấn đề ngân sách với tỉnh và tạo sự đồng thuận triển khai công tác trồng rừng đạt chỉ tiêu, có hiệu quả. Ngoài ra, tùy tình hình thực tế mỗi địa phương, có thể nghiên cứu lồng ghép các nguồn vốn khác để hỗ trợ thêm chi phí cho các hộ tham gia trồng rừng sản xuất nhằm mục tiêu trồng rừng đạt kết quả cao nhất.

Thời gian tới UBND tỉnh sẽ tích cực chỉ đạo công tác giao đất, giao rừng để người dân trồng rừng kết hợp sản xuất nông lâm kết hợp tạo sinh kế; khuyến khích người dân khi được giao đất giao rừng thì liên doanh với các doanh nghiệp để được đầu tư về cây giống, vật tư và công nghệ để trồng rừng sản xuất thông qua các hợp tác xã.

8. Năm học 2021-2022, toàn ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Đak Pơ có tỷ lệ giáo viên/lớp học là 1,6/2,2 đối với bậc Mầm non; 1,2/1,5 giáo viên/lớp học 2 buổi/ngày đối với bậc Tiểu học; 1,9 giáo viên/lớp học 1 buổi/ngày đối với bậc THCS. Do đó, toàn ngành còn thiếu 61 giáo viên (trong đó có 34 giáo viên Mầm non, 23 giáo viên Tiểu học, 4 giáo viên THCS). Đề nghị UBND tỉnh xem xét cho huyện hợp đồng số giáo viên còn thiếu so với quy định (theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 16/2017/TT- BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập) để những địa phương còn thiếu giáo viên như Đak Pơ đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác giảng dạy (thay vì thực hiện giáo viên dạy tăng thêm).

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Tình trạng hiện nay của ngành giáo dục tỉnh là giáo viên, nhân viên cơ hữu của các bậc học đang thiếu nhiều so với định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục ở địa phương mới phát triển ở mức đáp ứng nhu cầu cơ bản, thiết yếu. Tính từ năm 2015 đến năm 2021 tổng số học sinh đến trường ở các cấp học đã tăng 43.087 học sinh tăng 12.4% so với năm 2015 nhưng biên chế giáo viên không được Trung ương bổ sung nhưng tỉnh vẫn phải tiếp tục cắt giảm hàng năm theo yêu cầu của Trung ương (*cụ thể trong 3 năm từ 2018-2021, đã sáp nhập giảm 84 đầu mỗi trường học, đạt tỉ lệ giảm 10,3 % đầu mỗi sự nghiệp của ngành giáo dục, đã giảm đủ 10% biên chế sự nghiệp, trong đó sự nghiệp giáo dục đã giảm 2.300 biên chế*) mặc dù UBND tỉnh đã thực hiện đồng bộ kiện toàn sắp xếp mạng lưới trường lớp, điều tiết thừa thiếu cục bộ, cắt chuyển biên chế sự nghiệp từ các khu vực khác sang nhưng vẫn không đáp ứng nhu cầu giáo viên ở mức tối thiểu để duy trì việc dạy và học.

Tính đến thời điểm hiện nay ngành giáo dục có 714 trường mầm non, phổ thông công lập, có 11.688 lớp với 391.161 học sinh¹. Tổng số viên chức từ bậc mầm non đến phổ thông trong biên chế là: 19.040 người². Trong đó: CBQL 1.770, giáo viên 16.040, nhân viên 1.230. Định mức giáo viên/lớp: ở bậc Mầm non chỉ đạt 1,17 (quy định là 2,0); Tiểu học chỉ đạt 1,19 (quy định là 1,5); THCS chỉ đạt 1,68 (quy định là 1,9); THPT chỉ đạt 1,96 (quy định là 2,25). Tổng số giáo viên thiếu trong năm học 2021-2022 là 3.721³ giáo viên (chưa tính số 1.272 nhân viên còn thiếu, trong đó có 318 trường không có nhân viên kế toán).

Ngày 19/5/2021, Bộ Nội vụ đã có văn bản 2273/BNV-TCBC trả lời Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc hợp đồng lao động đối với giáo viên theo Nghị quyết số 102/NQ-CP. Theo đó, đối với các cơ sở giáo dục do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động (100% cơ sở giáo dục công lập tỉnh Gia Lai thuộc loại hình này), chỉ được phép hợp đồng lao động giáo viên còn thiếu trong phạm vi biên chế được cấp thẩm quyền giao chưa sử dụng và trong định mức quy định. Do chỉ tiêu số lượng người làm việc được Trung ương giao ở mức thấp nên không thể hợp đồng giáo viên còn thiếu để phục vụ công tác giảng dạy.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã 02 văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ các khó khăn về biên chế của ngành Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 2150/SGDĐT-TCCB ngày 22/9/2021) và xin ý kiến về việc hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên (Văn bản số 2345/SGDĐT-TCCB ngày 13/10/2021). Tuy nhiên đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn chưa có văn bản trả lời.

¹ Mầm non: 224 Trường, 2.119 lớp với 63.652 học sinh, sĩ số học sinh/lớp 30.1; Tiểu học: 208 Trường, 5.802 lớp với 171.432 học sinh, sĩ số học sinh/lớp 29.6; THCS: 235 Trường (trong đó có 73 Trường TH&THCS có lớp tiểu học), 2.745 lớp với 110.156 học sinh, sĩ số học sinh/lớp 40.1; THPT: 47 Trường (trong đó có 5 Trường THCS&THPT), 1030 lớp với 45.921 học sinh, sĩ số học sinh/lớp 44.6.

² Mầm non: 3.111 người (CBQL 522, giáo viên 2.485, nhân viên 104); Tiểu học: 7.998 người (CBQL 623, giáo viên 6.924, nhân viên 451); THCS: 5.613 người (CBQL 480, giáo viên 4.613, nhân viên 520); THPT: 2.318 người (CBQL 145, giáo viên 2.018, nhân viên 155).

³ Thiếu giáo viên: Mầm non: 1.637; Tiểu học: 986; THCS: 726; THPT: 372;

Đồng thời, trước tình trạng thiếu giáo viên của ngành giáo dục và chủ trương đề địa phương được hợp đồng số giáo viên còn thiếu so với quy định để phục vụ công tác giảng dạy; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đã có Báo cáo số 06/BC-ĐĐBQH ngày 08/10/2021 tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan gửi kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XV xem xét, giải quyết.

Đối với nội dung kiến nghị, UBND tỉnh đã báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ xem xét, cho chủ trương tháo gỡ khó khăn cho tỉnh (tại 02 Văn bản: Văn bản số 918/UBND-NC ngày 10/7/2021 và Tờ trình số 919/TT-UBND ngày 10/7/2021 của UBND tỉnh). Tuy nhiên đến nay Trung ương chưa có ý kiến giải quyết. Do vậy, trong lúc chờ Trung ương giải quyết, hướng dẫn việc thực hiện thì UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo quy định hiện hành.

* Riêng đối với ngành giáo dục và đào tạo huyện Đak Pơ có số lượng người làm việc được giao năm 2021 là 539 (giảm so với năm 2020 là 15 chỉ tiêu). Tới thời điểm 30/10/2021, số viên chức có mặt là 538 (trong đó CBQL 55, giáo viên 440 GV, nhân viên 43), Còn 01 chỉ tiêu biên chế được giao chưa tuyển dụng. Như vậy, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ nêu trên thì huyện Đak Pơ chỉ được phép hợp đồng 01 giáo viên để phục vụ công tác giảng dạy.

9. Vừa qua UBND tỉnh, các sở ngành yêu cầu thu hồi lại kinh phí đã hỗ trợ trồng rừng trên diện tích bị chết không đảm bảo mật độ theo Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Diện tích cây trồng đạt từ 85% mật độ thiết kế trở lên: Nghiệm thu và chi trả 100% diện tích; diện tích cây trồng đạt từ 50% - 85% mật độ thiết kế: Nghiệm thu thanh toán theo tỷ lệ cây sống; diện tích cây trồng đạt dưới 50% mật độ thiết kế: Không nghiệm thu). Đây là một vấn đề rất khó khăn đối với bà con tham gia trồng rừng trên địa bàn huyện (đa số là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đời sống rất khó khăn). Do đó, đề nghị UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo các sở ngành khẩn trương nghiên cứu cây trồng rừng phù hợp để hướng dẫn cho huyện triển khai công tác trồng rừng năm 2021. Đồng thời, không thu hồi kinh phí trồng rừng đối với các hộ được vận động tham gia trồng rừng từ năm 2017-2020.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

- Đối với diện tích trồng rừng bị chết không đảm bảo mật độ đã qua 4 năm trồng rừng (01 năm trồng và 03 năm chăm sóc), UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện tiến hành nghiệm thu theo đúng quy định và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT. Trường hợp không đủ tiêu chí đánh giá thành rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 2085/SNNPTNT-CCKL ngày 07/8/2020 hướng dẫn lập hồ sơ nghiệm thu đánh giá rừng trồng thành rừng*), UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải tự bỏ kinh phí để trồng lại rừng hoặc phải hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước bằng số tiền đã nhận hỗ trợ theo đúng yêu cầu trong Hợp đồng trồng rừng đã ký kết. Thời gian tới, UBND tỉnh

giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối với các ngành chức năng, UBND cấp huyện kiểm tra thực tế, đề xuất hướng xử lý theo đúng các quy định của pháp luật.

- Về các loài cây trồng rừng sản xuất, UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố liên hệ trực tiếp với Sở Nông nghiệp và PTNT để được hướng dẫn loài cây trồng phù hợp với từng địa phương cụ thể.

10. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành liên quan nghiên cứu hướng dẫn việc thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh và Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ để các địa phương triển khai chính sách đến doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân hiệu quả hơn.

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, cụ thể: Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 về quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Quy định tại khoản 3, Điều 17, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 ban hành Danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Gia Lai (quy định tại Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); Công văn số 2931/UBND-NL 27/12/2018 yêu cầu các Sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; Công văn số 230/UBND-NL ngày 25/01/2019 về nghiên cứu, đề xuất ban hành quy định về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...).

UBND tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc họp nghe các sở, ngành báo cáo, đề xuất các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, đồng thời chỉ đạo các sở, ngành tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND và Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, nhất là đối với các nội dung về ban hành quy định mức hỗ trợ cụ thể và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do chưa đủ cơ sở pháp lý, xác định lại về thẩm quyền ban hành, nên UBND tỉnh vẫn chưa đủ cơ sở để ban hành Quyết định về quy định các nội dung nêu trên.

Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh, hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành các văn bản hướng dẫn như: Công văn số 1532/SNNPTNT-CCPTNT ngày 11/6/2020 về việc hướng dẫn triển khai xây dựng Dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh; Công văn số 56/SNNPTNT-CCPTNT ngày 08/01/2021 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ theo Sổ tay hướng dẫn liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Hiện nay, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh dự thảo báo cáo đánh giá việc thực hiện, nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND,

đồng thời chủ động làm việc với Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Tài chính và đã thống nhất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc này như sau: Ngày 21/10/2021 Ban pháp chế HĐND tỉnh đã tổ chức cuộc họp thống nhất ý kiến cho chủ trương xây dựng Nghị quyết Quy định biện pháp triển khai Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định biện pháp triển khai Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dự kiến tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh vào kỳ họp thứ 4 của HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021- 2026 cuối năm 2021.

III. CÁC KIẾN NGHỊ TẠI BÁO CÁO SỐ 13/BC-HĐND NGÀY 08/10/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN.

1. Hiện nay một số cháu nhỏ vào thăm cha mẹ làm công nhân tại các tỉnh Bình Dương, Long An, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh chưa được về địa phương do dịch bệnh Covid-19. Đề nghị UBND tỉnh có phương án đưa các cháu trở về địa phương đi học. (Cử tri huyện Phú Thiện).

Kết quả giải quyết đến thời điểm giám sát:

Từ khi đợt dịch thứ 4 bùng phát ở các tỉnh, thành phía Nam (từ tháng 4 năm 2021 đến nay); nhận thấy các công dân của tỉnh Gia Lai như người lao động, người đi khám chữa bệnh, học sinh, sinh viên... gặp nhiều khó khăn ở tại các tỉnh, thành phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 970/KH-UBND ngày 20/7/2021 về việc tổ chức đón công dân của tỉnh Gia Lai có hoàn cảnh khó khăn, cấp bách từ vùng dịch về địa phương.

Thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh và các địa phương đã phối hợp tổ chức được **05** đợt đón công dân (từ ngày 23/7/2021 đến 27/10/2021) bằng các phương tiện như máy bay, xe ô tô, cử xe cảnh sát giao thông dẫn đường để đảm bảo an toàn giao thông. Tổng số đã đón về tỉnh là **1.121** (trong đó có **285** phụ nữ mang thai; **38** trẻ em đi cùng phụ nữ mang thai, **243** người đi khám chữa bệnh, **324** học sinh và phụ huynh đi cùng, **193** người lao động) đảm bảo an toàn, chu đáo trong phòng, chống dịch. Riêng đối với huyện Phú Thiện đã tổ chức đón được **31** học sinh và **29** phụ huynh đi cùng về địa phương trên tổng số đăng ký là 66 học sinh và 58 phụ huynh.

Trong đợt đón thứ 5, trên cơ sở đăng ký là hơn 900 công dân, tuy nhiên qua rà soát chỉ còn hơn 800 đăng ký đón về. Sau khi có thông tin, các sở, ngành của tỉnh đã tổ chức đón nhưng thực tế chỉ có hơn 320 người về.

Sau khi có tình, thành phía Nam thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ thì việc đi lại đã thuận lợi cho công dân và căn cứ số lượng công dân đăng ký nhưng không về nên tỉnh đã quyết định dừng, không tổ chức đón công dân nữa

* Riêng huyện Phú Thiện theo thống kê có 66 học sinh và 58 phụ huynh có nhu cầu trở về địa phương; thực hiện kế hoạch đón nhận công dân trở về tỉnh, ngày

26/10/2021 đã có 31 học sinh và 29 phụ huynh được đón trở về địa phương, số học sinh và phụ huynh còn lại sẽ tiếp tục thực hiện đón trở về theo kế hoạch.

2. Nhân dân bị thiệt hại trong mùa mưa bão năm 2020, đã kê khai diện tích thiệt hại nhưng đến nay vẫn chưa được hỗ trợ của Nhà nước. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét hỗ trợ cho người dân.

Khái quát tình hình thiên tai năm 2020: Trong năm 2020 có 14 cơn bão và 01 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 11 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta, 04 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến Tây Nguyên (cơn bão số 6, 9, 10, 12), làm thiệt hại về nhà ở, nông nghiệp, y tế, hạ tầng,... trên địa bàn tỉnh, ước tính giá trị thiệt hại khoảng 667,8 tỷ đồng, trong đó thiệt hại về sản xuất nông nghiệp khoảng 417,08 tỷ đồng (riêng về sản xuất nông nghiệp địa bàn huyện Phú Thiện thiệt hại khoảng 42,977 tỷ đồng và có đề xuất hỗ trợ kinh phí về khôi phục sản xuất là 2,601 tỷ đồng).

Quá trình triển khai hỗ trợ để khôi phục sản xuất:

- Thực hiện Văn bản số 202/TWPCTT ngày 18/12/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai V/v tập trung khắc phục hậu quả bão, mưa lũ tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; Văn bản số 2494/UBND-NL ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc rà soát, bổ sung hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh) đã tổng hợp, báo cáo bổ sung số liệu thiệt hại tại Văn bản số 3616/SNNPTNT-CCTL ngày 22/12/2020.

- UBND tỉnh ban hành Tờ trình số 2506/TTr-UBND ngày 25/12/2020 đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Bộ Tài chính có Văn bản số 503/BTC-NSNN ngày 15/01/2021 về việc kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trong năm 2020 trên địa bàn, trong đó đã bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2021 cho tỉnh Gia Lai là 14.040 triệu đồng (khoảng 70% phần kinh phí ngân sách trung ương dự kiến hỗ trợ 20.057 triệu đồng) để hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2020.

- Để triển khai hỗ trợ cho các địa phương UBND tỉnh có Văn bản số 561/VP-KTTH ngày 08/02/2021 về việc kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai hỗ trợ theo quy định.

- Thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai:

+ Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi, các cơ quan chuyên môn của Sở phối hợp với các địa phương tham mưu rà soát lại số liệu thiệt hại và dự thảo ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Ngày 19/7/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, cùng Sở Tài chính họp để thống nhất, đề xuất các nội dung Quyết định Quy định mức hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt) gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình UBND tỉnh ban hành.

+ Ngày 26/7/2021 Sở Nông nghiệp và PTNT có Tờ trình số 205/TTr-SNNPTNT về ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo số 1041/UBND-NL ngày 28/7/2021 về việc tham mưu, đề xuất quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh giao liên Sở: Tài chính – Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị, địa phương có liên quan triển khai một số nội dung, trong đó có nội dung kiểm tra làm rõ diện tích cây trồng đề xuất hỗ trợ thiệt hại.

Sở Nông nghiệp và PTNT có Văn bản số 2467/SNNPTNT-CCTL ngày 29/7/2021 đề nghị các địa phương phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu nội dung kiểm tra, làm rõ diện tích cây trồng đề xuất hỗ trợ.

Từ ngày 02/8 - 06/8/2021 một số địa phương có văn bản điều chỉnh số liệu (trước đây báo cáo nhanh nên các địa phương chưa kịp rà soát kiểm tra chính xác) như: Kông Chro, Ia Pa, Ayun Pa, Kbang, Krông Pa.

Ngày 06/8/2021 Sở Nông nghiệp và PTNT có Tờ trình số 215/TTr-SNNPTNT về ban hành Quyết định Quy định mức hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt) gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*đề xuất đối với những cây trồng chưa được Quy định mức hỗ trợ theo Nghị định số 02/NĐ-CP sử dụng vốn ngân sách địa phương để hỗ trợ*).

- Ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh có Văn bản số 3609/VP-NL về việc làm rõ diện tích hỗ trợ để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động phối hợp với Sở Tài chính để hoàn chỉnh nội dung dự thảo Quyết định quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2020 đảm bảo thống nhất với các nội dung đã đề xuất trước đây, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 80% theo quy định. Báo cáo gửi về UBND tỉnh trước ngày 19/8/2021.

- Ngày 19/8/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Tờ trình số 226/TTr-SNNPTNT Đề nghị ban hành Quyết định Quy định mức hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt) gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

*** Một số tồn tại trong quá trình triển khai:**

- Thời điểm cuối năm 2020 các địa phương gửi báo cáo số liệu thiệt hại không chính xác, có nhiều sai lệch; mức đề xuất hỗ trợ cho đối tượng vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại có sự khác nhau (Ví dụ: Theo quy định tại Nghị định 02/NĐ-CP hỗ trợ gà, vịt, ngan, ngỗng trên 28 ngày từ 21.000 - 35.000 đồng/con; nhưng Ayun Pa đề nghị là 35.000 đồng/con; Phú Thiện đề nghị 25.000 đồng/con,...).

- Việc đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ các cây trồng chưa được quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP như Mỳ (sắn), Mía, Ót, Đậu các loại từ Ngân sách Trung ương hay Ngân sách địa phương cần phải xem xét, cân nhắc khi tham mưu đề xuất cho UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ.

- Số địa phương bị thiệt hại 17/17 huyện, thị xã, thành phố, nhiều đối tượng (nhiều loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản,...) việc kê khai số liệu ban đầu thiếu chính xác nên công tác rà soát, tổng hợp số liệu đảm bảo sự chính xác phải mất nhiều thời gian để tránh sai sót.

Kết quả triển khai đến thời điểm giám sát:

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc quy định mức hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt) gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- UBND tỉnh đã có Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 về Tạm cấp kinh phí để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí: 19.211.418.000 đồng, tạm cấp cho các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ khắc phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt) gây ra trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 7830/QĐ-TTg ngày 01/11/2021 về việc hỗ trợ kinh phí cho một số địa phương khắc phục thiệt hại về nhà ở theo Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ. Theo đó, cấp hỗ trợ theo đề xuất của tỉnh với tổng kinh phí: 1.420 triệu đồng để hỗ trợ thiệt hại về nhà ở do thiên tai trong tháng 10 năm 2020. UBND tỉnh đang chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện.

* Riêng đối với huyện Phú Thiện, UBND tỉnh tạm cấp cho huyện với kinh phí 2.497.306.000 đồng, hiện UBND huyện Phú Thiện đang tổ chức triển khai thực hiện việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho nhân dân trên địa bàn bị thiệt hại trong mùa mưa bão năm 2020

Trên đây là trả lời và chỉ đạo giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri của UBND tỉnh theo Kế hoạch Giám sát số 61/KH-HĐND ngày 19/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH-HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành và đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, ban thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông